

PHỤ LỤC I

UBND HUYỆN NAM TRỰC
TRƯỜNG THCS NGHĨA AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-THCSNA

Nghĩa An, ngày 01 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường THCS Nghĩa An

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

Loại hình: Trường THCS công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục Tầm nhìn

- Xây dựng và nâng cao vị thế nhà trường nằm trong top những trường THCS hàng đầu của huyện Nam Trực, nơi học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn tự giác phấn đấu vươn lên vì sự phát triển của bản thân, vì danh dự và truyền thống nhà trường, đáp ứng các yêu cầu phát triển của đất nước.

- Sứ mệnh: Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

- Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

Hệ thống giá trị cơ bản

- Tình đoàn kết
- Tinh thần trách nhiệm
- Lòng tự trọng
- Dân chủ

- Lòng nhân ái
- Sự hợp tác
- Tính sáng tạo
- Khát vọng vươn lên

Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Duy trì và phát triển kết quả trường đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1; Chuẩn KĐCL cấp độ 2, trường Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn; Thư viện Tiên tiến, phấn đấu đến năm 2025 trường đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 2; Chuẩn KĐCL cấp độ 3, nâng cao chất lượng trường Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn; Thư viện Tiên tiến.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Nghĩa An được sáp nhập theo Quyết định 3527/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Nam Trực từ 2 trường THCS Nam An, THCS Nam Nghĩa. Năm học 2015-2016 trường có 18 lớp với 499 học sinh và 56 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đến tháng năm học 2024-2025 trường có 19 lớp 796 học sinh và 41 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trường THCS Nghĩa An nằm phía Tây Bắc huyện Nam Trực, nằm dọc theo quốc lộ 490 C. Phía Bắc giáp TP Nam Định, Phía đông giáp với xã Nam Cường, Nam Toàn, Phía Nam giáp với Thị trấn Nam Giang.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định, Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực, Phòng GD&ĐT huyện Nam Trực, Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nghĩa An, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường THCS Nghĩa An đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường từng bước được đầu tư, đầy đủ phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn có trang thiết bị đạt chuẩn, khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Khuôn viên nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan nhà trường đạt chuẩn trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT huyện Nam Trực, Đảng ủy, HĐND, UBND xã Nghĩa An, thầy và trò trường THCS Nghĩa An không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã.

Kể từ khi sáp nhập, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương; cùng với sự nỗ lực cố gắng của các thế hệ giáo viên và học sinh, chất lượng giáo dục nhà trường luôn đứng ở tốp đầu các trường THCS của phòng Giáo dục Đào tạo Nam Trực. Trường liên tục từ năm học 2015-2016 đến năm học 2023-2024 đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến”.

Năm học 2019-2020 nhà trường được UBND tỉnh công nhận là trường đạt Chuẩn

Quốc gia mức độ I, Chuẩn KĐCL cấp độ II, Chuẩn Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn và thư viện Tiên tiến.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Người đại diện pháp luật: Vũ Ngọc Huỳnh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

Số điện thoại: 0948348789

Gmail: huynhgd@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường THCS Nghĩa An được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai trường THCS Nam An và THCS Nam Nghĩa thành trường THCS Nghĩa An theo Quyết định 3527/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Nam Trực.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện Nam Trực về việc thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh HD
1	Ông Vũ Ngọc Huỳnh	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Trần Xuân Vương	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Ông Trần Xuân Thủy	Phó Chủ tịch UBND xã	Ủy viên
4	Bà Phạm Thị Thúy Bình	Kế toán	Thư ký
5	Ông Mai Xuân Tuyến	Chủ tịch công Đoàn	Ủy viên
6	Ông Trần Minh Quốc	TT Tổ KHXXH	Ủy viên
7	Bà Trần Thị Nga	TT Tổ KHTN	Ủy viên
8	Ông Mai Ngọc Sơn	Bí Thư đoàn	Ủy viên
9	Ông Phan Văn Nguyễn	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên
10	Ông Mai Đức Thanh	Chủ tịch hội CMHS	Ủy viên
11	Bà Trần Thị Kim Ngân	Liên đội trưởng	Ủy viên

a) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng: Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND huyện Nam Trực Về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

Quyết định bổ nhiệm lại phó Hiệu trưởng: Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày

04/11/2020 của UBND huyện Nam Trực Về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

Quyết định bổ nhiệm lại phó Hiệu trưởng: Quyết định số **1196/QĐ-UBND** ngày 01/02/2021 của UBND huyện Nam Trực Về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

b) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường THCS Nghĩa An

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THCS Nghĩa An được thành lập theo Quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Nam Trực từ 2 trường THCS Nam An, THCS Nam Nghĩa. Địa điểm trường có hai điểm trường vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện.

Trường THCS Nghĩa An là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Nam Trực.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường

theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 19 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 38 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 15 đoàn viên.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 2 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thọ điện tử

1	Vũ Ngọc Huỳnh	Hiệu trưởng	0948348789	huynhgd@gmail.com
2	Trần Xuân Vương	Phó Hiệu trưởng	0912913326	trantuanvuong79@gmail.com
3	Trần Xuân Chinh	Phó Hiệu trưởng	0913723868	chinhpqgdnt@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch Số: 10/KHCL-THCSNA ngày 05/11/2020 Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Nghĩa An giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định Số: 78/QĐ-THCS NA ngày 05/10/2024 Về việc thành lập Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024 - 20245.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Vị trí việc làm	Định mức	Hiện có	Thừa/Thiếu (Thừa ghi +, thiếu ghi -)	Ghi chú
I	Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3	3	0	
1	Hiệu trưởng	1	1	0	
2	Phó Hiệu trưởng	2	2	0	
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	36,1	34	-2,1	
1	Giáo viên THCS hạng 1	4	0	-4	
2	Giáo viên THCS hạng 2	19	17	-2	
3	Giáo viên THCS hạng 3	11	17	+6	
4	Thiết bị thí nghiệm	1	0	-1	
5	Giáo vụ	1	0	-1	

6	Tư vấn học sinh	1	0	-1	
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	4	1	-3	
1	Thư viện, quản trị công sở	1	0	-1	
2	Văn thư, thủ quỹ, kế toán	2	0	-2	Văn thư, thủ quỹ
3	Y tế	1	1	0	
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3	2	-1	
1	Bảo vệ	Lao động hợp đồng	3	0	
2	Phục vụ	Lao động hợp đồng	0	-1	
	Tổng biên chế (I+II+III)	43,3	38	-6,1	

90,9% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó, 1 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	19	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	19	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	9	

6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	41,84	
III	Số điểm trường	3	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	14397	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3623	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	855	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	550	
3	Diện tích thư viện (m ²)	65	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	0	0
1.2	Khối lớp 7	0	0
1.3	Khối lớp 8	0	0
1.4	Khối lớp 9	0	0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	4	4/4
2.2	Khối lớp 7	6	6/6
2.3	Khối lớp 8	5	5/5
2.4	Khối lớp 9	4	4/4
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		

4	Vườn thuốc Nam	1	19
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	1/25
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	19	19/19
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác: photocopy + máy in	6	
6	Máy tính làm việc	6	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	19	19/19
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	06	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
------------	--------------------	--------------------	-------------------	-----------------------------

			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2/2		0,15/1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Danh mục sách giáo khoa khối 6,7,8,9 (Có biểu đính kèm)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá

Năm học 2024-2025, Trường THCS Nghĩa An tiến hành tự đánh giá theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Cục quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Kết quả đánh giá ngoài

Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Cục quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 theo Quyết định số 1282/QĐ-SGDĐT ngày 28/08/2020 của Giám đốc sở giáo dục và đào tạo Nam Định.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,

năm học 2025- 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- 178 HS - 100% Học sinh trong độ tuổi đã hoàn thành CTTH và có hộ khẩu trên địa bàn	- 193 HS - Đã học xong lớp 6 đủ điều kiện lên lớp 7	237 HS - Đã học xong lớp 7 đủ điều kiện lên lớp 8	- 205 HS - Đã học xong lớp 8 đủ điều kiện lên lớp 9
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình 35 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình tự chủ của nhà trường. - Đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định. - Đảm bảo chương trình giáo dục, biên chế năm học, xây dựng kế hoạch giáo dục khoa học, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương. 			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các quy tắc phối hợp giữa nhà trường và gia đình theo quy định tại Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09 /2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường Trung học. - Tổ chức họp CMHS định kỳ 3 lần trong năm học, thông qua kế hoạch, mục tiêu, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục học sinh. - Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình, xã hội). Nhà trường phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với gia đình và địa phương để giáo dục học sinh theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành. - Đảm bảo thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường để giáo dục con em. - HS phải có động cơ, thái độ học tập rõ ràng. Tuân thủ nội quy trường lớp về học tập. Học sinh chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập. Học để hiểu biết, vận dụng, thực hành vào đời sống xã hội. 			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt trong nhà trường nhân các chủ điểm. - Tăng cường công tác GDNGLL trong và ngoài nhà trường. - Tổ chức học tập trải nghiệm, thực hành bên ngoài lớp học... 			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các chuẩn về năng lực, phẩm chất theo cấp học (theo mục tiêu Bộ GD-ĐT quy định) - 95% Có kết quả rèn luyện Tốt, Khá trở lên không có học sinh xếp loại rèn luyện chưa đạt. - Không có học sinh mắc các tai tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật - Học sinh lên lớp cuối năm (sau khi rèn luyện trong hè) đạt tỷ lệ từ 97-99% trở lên. - 99,5% trở lên số học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS. - 100% học sinh có đủ sức khỏe về thể lực và tâm thần để tham gia học tập tốt. 			
VI	Khả năng học	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có đầy đủ năng lực, kiến thức, thái độ để học tập hết cấp THCS và 			

tập tiếp tục của học sinh	cấp học cao hơn. - 80% học sinh tham gia học tiếp lên THPT sau khi xét hoàn thành chương trình, TN. THCS.
----------------------------------	--

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024 – 2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm.	795	197	236	208	154
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số): 97,36%	774	196	230	205	143
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số): 2,64%	21	1	6	3	11
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số): 0%	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số): 0%	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	795	197	236	208	154
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số): 26,54%	211	46	67	51	47
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số): 34,84%	277	72	76	73	56
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số): 38,02%	307	79	93	84	51
4	Chưa đạt tỷ lệ so với tổng số): 0%	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	795	197	236	208	154
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số): 100%	795	197	236	208	154
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số): 26,54%	211	46	67	51	47
b	Học sinh Khá (tỷ lệ so với tổng số): 34,84 %	277	72	76	73	56
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số) : 0%	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số) : 0%	0	0	0	0	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số): Đến 01; Đi 02	3	0	2	0	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số):	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số): 0.12	1	0	1	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					

1	Cấp huyện: 148	148	35	49	30	33
2	Cấp tỉnh/thành phố: 5	5	0	0	0	5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế:0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					154
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					154
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số): 30,52%					47
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số): 36,36					56
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số): 33,12					51
VII	Số học sinh thi đỗ THPT (tỷ lệ so với tổng số dự thi)					87/126 69%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ:	421/374	97/100	123/113	114/94	87/67
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số:	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Thu năm 2024	Chi năm 2024	Dư năm 2024
1	Thu từ nguồn NSNN cấp cho hoạt động thường (tự chủ)		7.666.431.000	7.666.431.000	
2	Thu từ nguồn NSNN (không tự chủ)		335.712.000	335.712.000	
1	Tiền học phí, cấp bù học phí	459.495.095	234.220.000	679.111.095	14.604.000
2	Tiền học thêm	0	1084320 000	1.084.320.000	0
3	Tiền nước uống	0	66.225.000	66.225.000	0
5	Kinh phí CSSK ban đầu	0	39.014.696	39.014.696	0

6	Tiền hoa hồng	0	15.542.745	15.542.745	0
II	Nguồn xã hội hóa	0	174.816.000	174.816.000	0
	TỔNG CỘNG	459.495.095	8.531.961.441	10.061.172.536	14.604.000

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

DVT: đồng

TT	Nội dung	Năm 2024
1	Chi lương và cho con người	8.553.064.230
2	Chi sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình CSHT	224.518.000
3	Chi phí hàng hoá và nghiệp vụ chuyên môn	566.970.664
4	Chi khen thưởng cá nhân và tập thể	43.110.000
5	Chi khen thưởng theo <i>NĐ73/2024/NĐ-CP</i>	227.602.000
6	Chi khác	421.017.642
7	Chi hỗ trợ chi phí học tập theo chế độ	10.050.000
8	Chi miễn, giảm học phí	14.840.000

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển..

DVT: đồng

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Dự kiến các năm học tiếp theo
1	Học phí	6.993.715.095	14.604.000 (Để chi cải cách tiền lương còn lại)
2	Bảo hiểm y tế	675 773 280	
3	Bảo hiểm thân thể (tự nguyện)		

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và

miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025	
		Số học sinh (người)	Số tiền (đồng)
1	Hỗ trợ chi phí học tập		10.050.000
2	Miễn, giảm học phí		14.840.000
3	Học bổng (nếu có)		

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

VII. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về giáo dục và đào tạo và Nghị quyết Chi bộ trường THCS Nam Toàn nhiệm kỳ 2022-2025. Bám sát nhiệm vụ chính trị của ngành, tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2024 - 2025. Tiếp tục đổi mới quản lý, tăng cường trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà trường.

2. Triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối tất cả các khối lớp, tích cực đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá trong dạy và học; Nâng cao chất lượng thi tuyển sinh vào THPT năm 2025. Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua **“Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”** gắn với việc **“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”** đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Nâng cao nhận thức về vai trò của công tác thi đua, khen thưởng, coi thi đua là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chủ động phát hiện, biểu dương và nhân rộng các tấm gương người tốt, việc tốt.

3. Tích cực triển khai thực hiện và chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đội ngũ giáo viên, CBQL đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018; đẩy mạnh công tác giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, chú trọng định hướng nghề nghiệp cho HS khối 9.

4. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ, kỷ cương; tăng cường an ninh, an toàn trường học; chú trọng công tác giáo dục thể chất, y tế trường học; xây dựng văn hóa học đường, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác phòng, chống đuối nước, tai nạn thương tích. Triển khai thực hiện nghiêm túc quy định nêu gương đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động.

5. Thực hiện có hiệu quả chủ đề năm học 2024-2025 **“Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”**.

6. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Giáo dục; khai thác có hiệu quả các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý, quản trị và dạy học. Tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, học bạ số, số hóa dữ liệu trường học.

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông trong nhà trường, trong đó chú trọng đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp truyền thông đảm bảo tính chủ động, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; tăng cường quan hệ giao lưu với các trường THCS, THPT,... nhằm tạo cơ hội cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tham quan học tập, trải nghiệm và tiếp cận với các kiến thức khoa học./.

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Ngọc Huỳnh